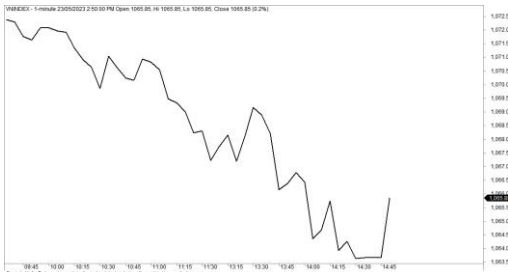


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,065.85	215.79	81.00
% ngày	-0.45%	-0.05%	-0.26%
% tuần	-0.01%	0.55%	0.42%
% tháng	2.20%	4.29%	3.86%
% năm	-12.55%	-28.23%	-13.49%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	9,763	1,044	442
TB 1 tuần	12,744	1,545	621
TB 1 tháng	11,163	1,386	620
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	563.51	17.29	5.61
Bán	1,167.70	15.73	10.47
Giá trị ròng	-604.18	1.57	-4.85
Độ rộng TT			
Mã Tăng	138	81	149
Mã Giảm	305	85	107
Không Đổi	56	73	84
Chỉ số chính			
P/E	12.69	16.88	13.10
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	4,302	270	1,021
LS Cổ tức	3.68%	1.56%	6.36%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Đà tăng có được trong phiên sáng không thể duy trì cho tới cuối phiên khi áp lực bán mạnh dần về cuối phiên. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 0.45% dừng tại 1065.85 điểm, chỉ số HNX-Index và Upcom-Index cùng chiều giảm lần lượt 0.05% và 0.26%. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 14,078 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

Sắc đỏ áp đảo trở lại với VHM, MSN, SAB, GAS, BCM có mức giảm từ 1-2% cho thấy áp lực chốt lời trên diện rộng nhưng áp lực bán cũng chưa quá quyết liệt. Ở chiều ngược lại, VIC, ACB, POW, PDR, BVH có sắc xanh tăng nhẹ.

Diễn biến phân hóa là chủ đạo ở các nhóm ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản với HCM, VND, FTS, PDR, DIG tăng giá trong khi NLG, KDH, SSI, VIX giảm giá. Nhóm Năng lượng tiếp tục là điểm nhấn tích cực nhất như REE (3.3%), PVG (4.4%), Hạ tầng (CTR) tăng giá tích cực.

Khối ngoại bán ròng 609 tỷ đồng toàn thị trường trong đó VNM (126 tỷ), MSN (126 tỷ), VND (106 tỷ) bị bán ròng khá nhất. Ở chiều ngược lại, POW (35 tỷ), VRE (28 tỷ), VIC (23 tỷ) là các mã dẫn đầu ở chiều mua ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh trong phiên kế tiếp. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn trên chỉ số VNSmallcaps có dấu hiệu gia tăng cho thấy đồ thị giá của chỉ số này có thể sẽ còn tiếp tục điều chỉnh trong những phiên giao dịch tới và các nhà đầu tư nên hạn chế mua mới nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ. Ngoài ra, chỉ báo tâm lý ngắn hạn tiếp tục giảm cho thấy các nhà đầu tư tiếp tục thận trọng với diễn biến thị trường hiện tại. Theo quan sát khối lượng giao dịch, áp lực bán có dấu hiệu gia tăng lên nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và vừa, nhưng chúng tôi đánh giá rủi ro gia tăng ở nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ cho nên các nhà đầu tư cần hạn chế chiến lược “đầu cơ” ở vùng giá hiện tại.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức hiện tại và hạn chế mua mới trong giai đoạn này. Đồng thời, các nhà đầu tư có thể xem xét bán một phần tỷ trọng ở các cổ phiếu đã có mức sinh lời cao.

Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: <https://ysradar.yuanta.com.vn/>



BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1110	1130	870	800
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	197	210	189	160
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	1120	1140	980	960
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,030	1200	963	900
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	1000	1150	804	750

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1065.85	-0.45%
VN30	1068.05	-0.53%
VN Mid	1367.55	-0.11%
VN Small	1239.12	-0.02%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	215.79	-0.05%
HN30	399.81	0.18%
VNX AllSh	1033.61	-0.37%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	81	-0.26%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	563.51	
Bán	1167.7	
GT ròng	-604.18	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	17.29	
Bán	15.73	
GT ròng	1.57	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.61	
Bán	10.47	
GT ròng	-4.85	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
EVG	310	6.97%
ST8	1400	6.91%
NHA	1100	6.77%
ITC	650	5.80%
CTI	750	5.49%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DVM	1000	6.54%
VIT	900	5.26%
DDG	300	3.09%
LAS	300	2.91%
PVS	800	2.79%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SBS	378	5.32%
VLC	543	3.31%
DDV	238	2.59%
SIP	2290	2.40%
ABB	205	2.30%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VPG	-450	-3.11%
SMC	-300	-2.34%
VNE	-250	-2.26%
MSN	-1600	-2.22%
NLG	-700	-2.10%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TIG	-400	-3.51%
VGS	-500	-3.18%
TVD	-500	-3.07%
L18	-1000	-2.53%
HUT	-400	-2.29%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEF	-11764	-8.49%
BDT	-1061	-7.92%
DSC	-593	-2.15%
G36	-182	-2.04%
CST	-315	-1.47%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VCB	440,597	
VHM	235,571	
BID	224,598	
VIC	198,706	
GAS	181,251	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
THD	14,035	
PVS	13,718	
IDC	12,969	
KSF	11,940	
PVI	11,712	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	171,855	
VGI	69,238	
MCH	52,082	
BSR	51,549	
VEA	50,901	

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
VND	46,123,000	18,714,683
SHB	25,891,700	17,515,874
DIG	21,727,300	24,049,517
ACB	21,722,400	3,706,528
VIX	21,682,300	19,535,181

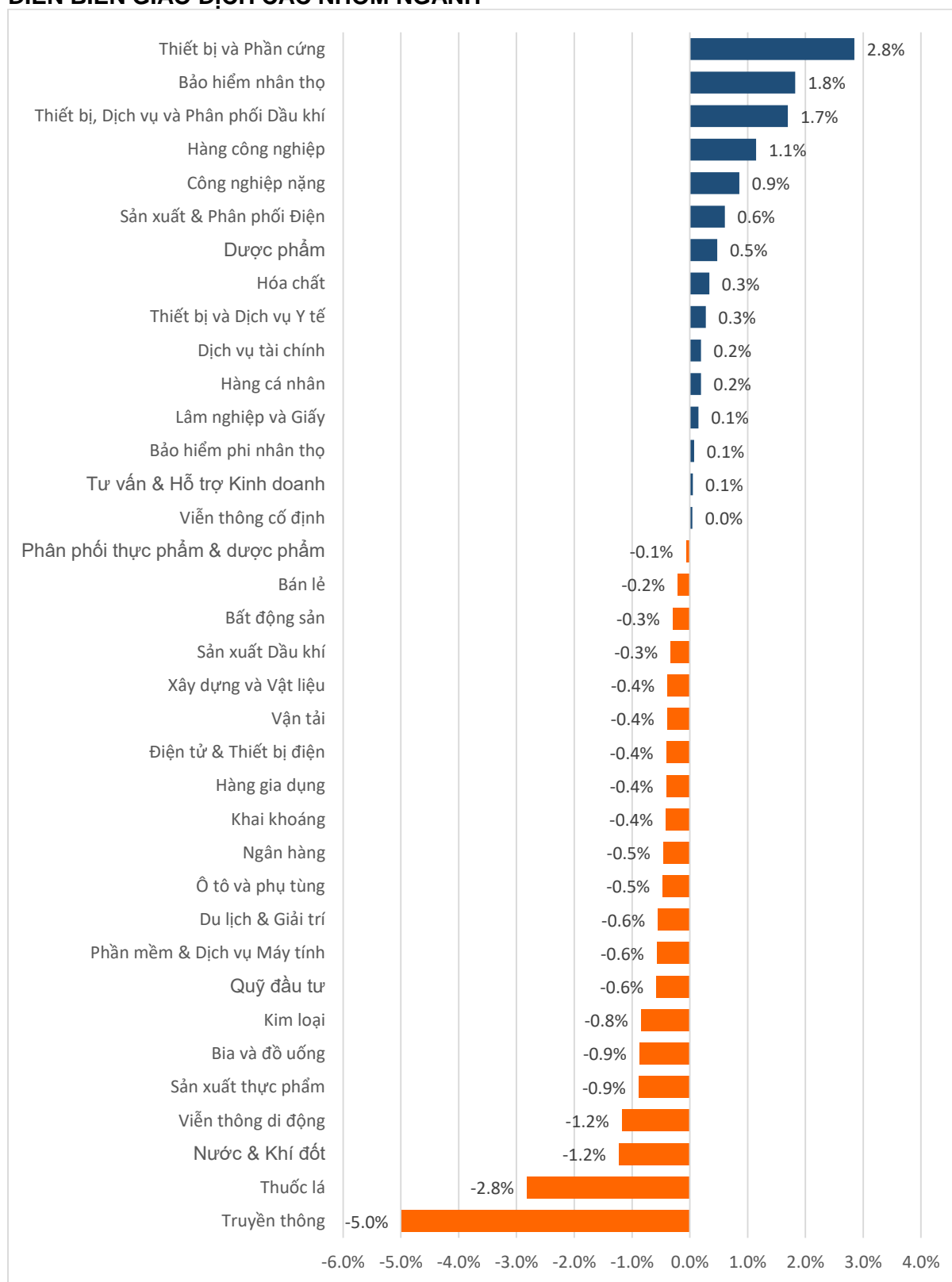
KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHS	24,798,552	19,466,240
PVS	11,898,914	5,043,027
CEO	7,440,555	8,012,743
IDJ	6,843,945	3,985,708
DDG	5,043,369	4,095,573

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SBS	8,546,596	3,702,822
BSR	7,205,265	5,550,406
C4G	2,479,842	3,786,315
ABB	2,155,444	1,477,734
VHG	2,076,350	2,690,662

Nguồn: Bloomberg & YSVN



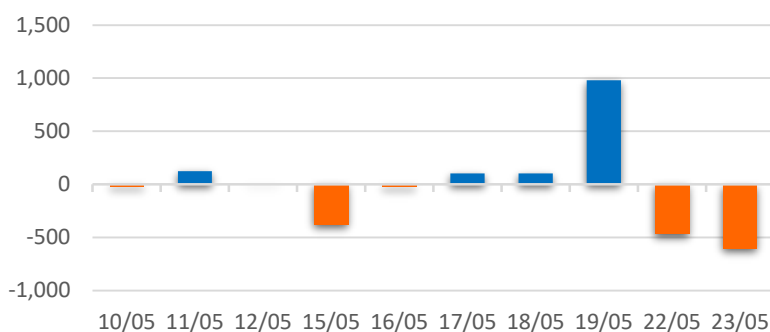
DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



Nguồn: FiinPro – YSVN

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

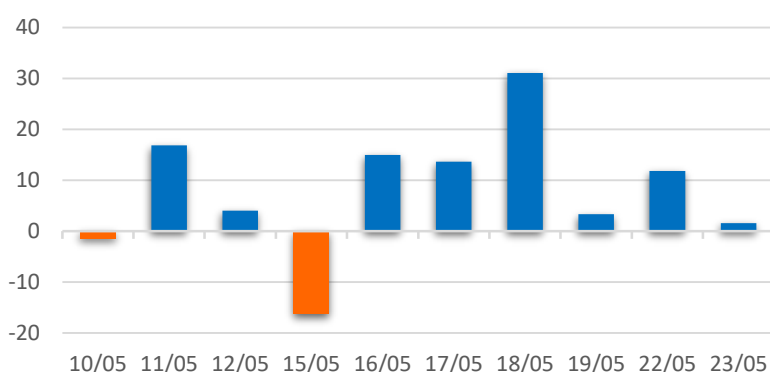
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
POW	35,031	VNM	126,311
VRE	28,100	MSN	125,979
VIC	23,442	VND	105,728
SSI	14,233	HPG	58,163
PNJ	11,245	CTG	48,959

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

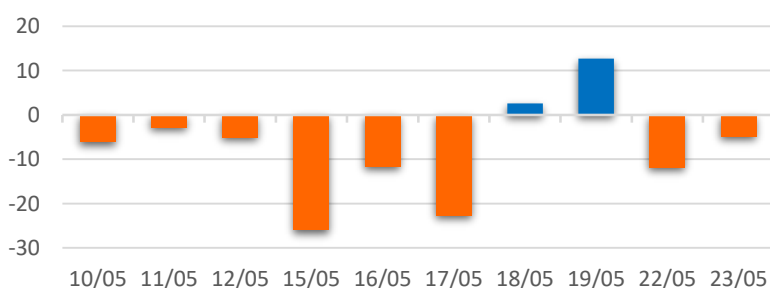
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
DTD	12,218	IDJ	4,136
MBS	834	IDC	3,502
PVI	295	PVS	2,247
CEO	286	BVS	931
HVT	259	TNG	910

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
LTG	1,130	QNS	3,956
CST	1,100	NTC	1,361
MPC	445	BSR	1,039
PHP	319	SIP	663
ACV	180	MCH	473

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	34,076	PET	43,721
HPG	11,768	VNM	11,618
VND	6,478	FPT	11,378
VPB	4,362	VHM	9,484
ACB	4,189	HDG	6,346

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất trên HSX

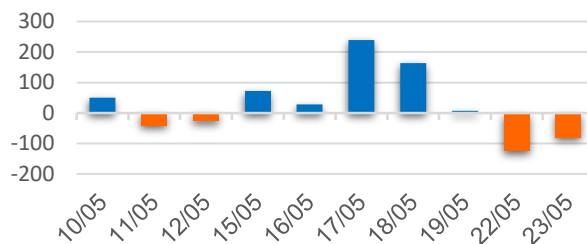
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	2,240.00	PVS	11,615
		DTD	7,010.9

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên HNX

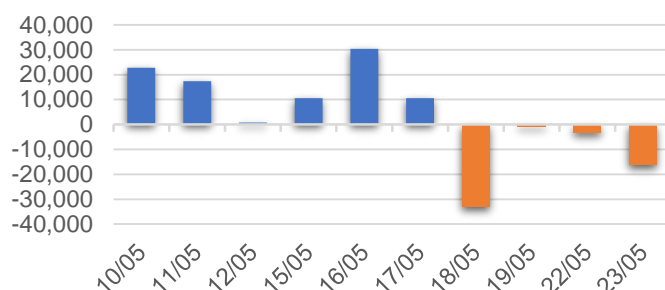
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MCH	1,533.38		

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên UPCoM

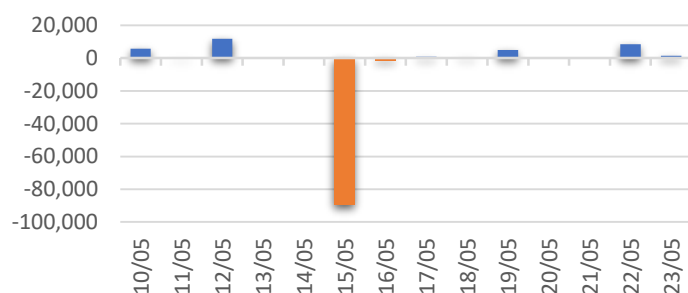
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng trên HSX (tỷ đồng)



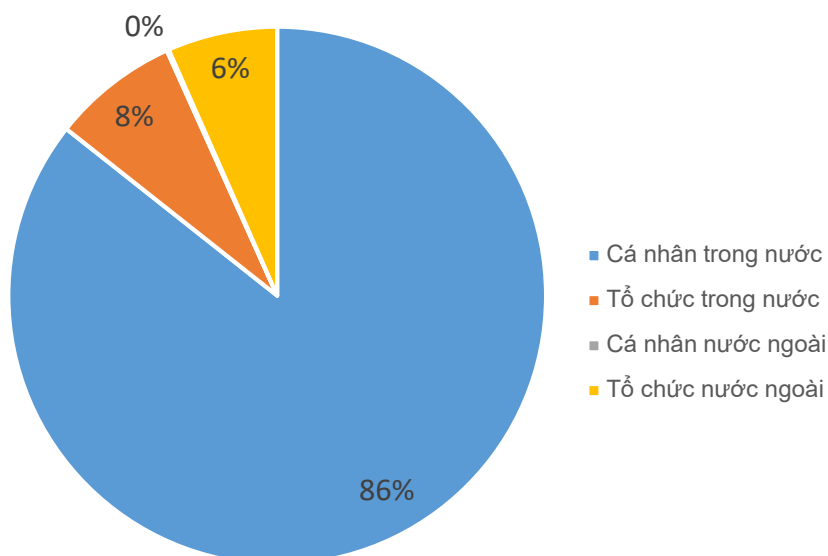
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng HNX (triệu đồng)



Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng UPCoM (triệu đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FiinPro – YSVN



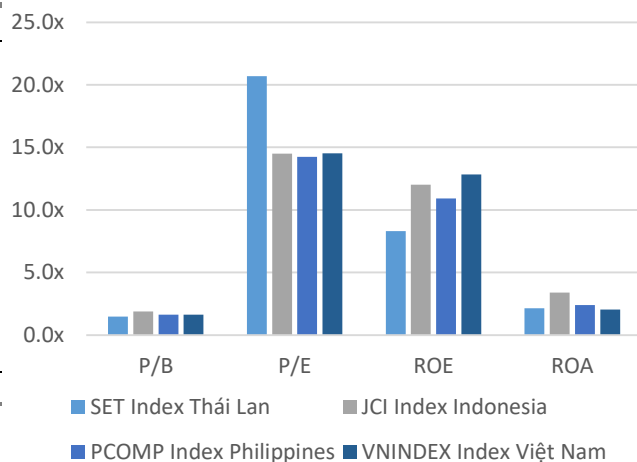
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.5x	1.9x	1.6x	1.6x
P/E		20.7x	14.5x	14.2x	14.5x
ROE	%	8.31	12.02	10.92	12.84
ROA	%	2.13	3.40	2.40	2.04
Vốn hóa	Tỷ USD	537.57	639.64	169.86	181.57
GTGD	Tỷ USD	1.25	0.64	0.06	0.45
LS cổ tức	%	3.20	4.08	2.42	1.76

Nguồn: Bloomberg & YSVN



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written